

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, Ngày 06 tháng 04 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Mã chứng khoán: GEX

Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39726245/6

Fax: 024 39726282

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Tuấn Anh

Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 39726245

Fax: 024 39726282

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam công bố thông tin về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/04/2018 tại đường dẫn. http://gelex.vn/financial_report

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán

Người đại diện theo pháp luật/

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phạm Tuấn Anh

Số: 65 /GELEX-TGD

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2018

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế hợp nhất năm 2017 so với
năm 2016

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) là công ty đại chúng quy mô lớn, hiện đang thực hiện giao dịch cổ phiếu trên thị trường HSX – mã chứng khoán GEX.

Tổng Công ty chúng tôi xin giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất năm 2017 so với năm 2016 như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất năm 2017 là 1.314.586.857.883, đồng; tăng 663.156.033.564, đồng, tương đương mức tăng 101,8% so với năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Số lượng Công ty con được hợp nhất trong năm 2017 nhiều hơn năm 2016.
- Kết quả kinh doanh của các Công ty con trong năm 2017 tăng cao hơn so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư tăng, trong đó chủ yếu là lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư khác của Tổng công ty CP Đường Sông Miền Nam, công ty con của Tập đoàn.
- Trong năm Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu ở các công ty liên kết (SOTRANS, VIHEM), khoản đầu tư trước ngày mua được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày mua, làm cho kết quả kinh doanh trong kỳ tăng lên.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.



Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 84

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 23 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Hoa Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Thế Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Giám đốc Điều hành	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Đình Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính của Tổng Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61355749/19516923-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 84 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.447.578.048.018	6.375.260.768.165
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.097.517.266.477	2.912.224.131.908
111	1. Tiền		603.601.059.404	551.676.131.908
112	2. Các khoản tương đương tiền		493.916.207.073	2.360.548.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	1.546.228.259.969	353.394.502.790
121	1. Chứng khoán kinh doanh		909.595.972.003	197.046.708.523
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(35.636.875.956)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		672.269.163.922	156.347.794.267
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.906.643.629.169	1.477.255.794.577
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	1.860.671.443.645	1.223.696.625.485
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	63.610.678.720	40.031.806.525
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	104.200.000.000	6.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.124.527.521.585	244.605.334.365
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1, 7.2, 8, 9	(246.729.041.840)	(37.077.971.798)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		363.027.059	-
140	IV. Hàng tồn kho	11	1.854.862.342.903	1.599.320.549.702
141	1. Hàng tồn kho		1.869.533.076.685	1.605.320.276.853
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.670.733.782)	(5.999.727.151)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		42.326.549.500	33.065.789.188
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	15.748.235.351	3.500.945.005
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.874.139.858	25.951.710.367
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		11.704.174.291	3.613.133.816

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.462.097.204.415	2.557.862.751.858
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		79.226.298.470	431.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7.1	75.339.914.100	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		917.100.000	-
216	3. Phải thu dài hạn khác		2.969.284.370	431.000.000
220	II. Tài sản cố định		3.043.665.083.104	966.172.163.921
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.880.913.600.506	919.011.992.588
222	Nguyên giá		5.058.980.927.810	1.845.841.427.074
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.178.067.327.304)	(926.829.434.486)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	162.751.482.598	47.160.171.333
228	Nguyên giá		179.420.477.939	58.439.178.735
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.668.995.341)	(11.279.007.402)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	218.930.439.828	126.271.840.991
231	1. Nguyên giá		249.527.882.070	135.324.654.546
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(30.597.442.242)	(9.052.813.555)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	265.956.309.343	233.426.742.295
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		265.956.309.343	233.426.742.295
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	1.672.377.287.976	1.003.976.347.979
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		1.207.984.753.588	1.000.267.658.228
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		95.417.309.831	3.495.681.301
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.222.933.776)	(386.991.550)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		370.198.158.333	600.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.181.941.785.694	227.584.656.672
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	428.834.930.386	189.278.626.743
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	34.3	11.592.718.157	5.676.808.934
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		603.026.667	-
269	4. Lợi thế thương mại	18	740.911.110.484	32.629.220.995
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		13.909.675.252.433	8.933.123.520.023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.603.987.514.057	5.568.228.552.992
310	I. Nợ ngắn hạn		4.764.444.793.235	3.780.162.929.723
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	850.417.170.698	618.097.889.769
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	183.618.552.087	38.263.732.896
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	76.935.295.527	57.562.288.051
314	4. Phải trả người lao động		162.643.056.568	124.492.002.514
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	46.121.959.412	38.300.478.430
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	40.748.892.189	20.332.886.290
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	495.219.073.115	324.415.731.261
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	24	2.746.317.989.552	2.358.916.461.904
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	25	93.132.353.140	154.974.905.223
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	26	69.290.450.947	44.806.553.385
330	II. Nợ dài hạn		2.839.542.720.822	1.788.065.623.269
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	45.835.022.150	46.945.637.558
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	119.631.176.007	99.062.274.095
338	3. Vay và nợ dài hạn	24	2.533.868.797.654	1.530.468.227.369
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	47.359.952.697	13.880.752.012
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	25	61.136.827.197	57.337.130.033
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		31.710.945.117	40.371.602.202
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.305.687.738.376	3.364.894.967.031
410	I. Vốn chủ sở hữu	27	6.295.473.043.703	3.360.921.478.909
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.668.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.668.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		622.337.724.760	66.378.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		77.388.963.577	77.388.963.577
415	4. Cổ phiếu quỹ		-	(5.026.115.259)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		48.866.128	83.604.392
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		77.023.242.245	208.668.128.206
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		934.863.540.700	749.075.810.262
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		148.693.053.445	215.405.554.558
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		786.170.487.255	533.670.255.704
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.915.810.706.293	714.353.087.731
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		10.214.694.673	3.973.488.122
431	1. Nguồn kinh phí		(52.023.000)	(25.923.000)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		10.266.717.673	3.999.411.122
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		13.909.675.252.433	8.933.123.520.023

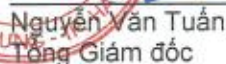


Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng


TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN
VIỆT NAM


Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	12.094.756.795.679	7.409.353.474.617
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(110.615.725.882)	(112.240.139.749)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	11.984.141.069.797	7.297.113.334.868
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(9.997.817.551.567)	(6.328.866.193.807)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.986.323.518.230	968.247.141.061
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	847.451.817.078	297.625.061.884
22	7. Chi phí tài chính	30	(435.264.930.396)	(75.035.117.287)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(367.135.076.972)	(67.726.821.032)
24	8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết		21.762.126.462	(18.053.965.426)
25	9. Chi phí bán hàng	31	(261.312.019.780)	(148.661.288.583)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(540.790.663.717)	(231.773.773.248)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.618.169.847.877	792.348.058.401
31	12. Thu nhập khác	32	48.225.613.845	8.239.472.445
32	13. Chi phí khác	32	(8.151.407.203)	(29.009.873.831)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	32	40.074.206.642	(20.770.401.386)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.658.244.054.519	771.577.657.015
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(346.887.119.179)	(119.789.766.028)
52	17. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	34.3	3.229.922.543	(357.066.668)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.314.586.857.883	651.430.824.319
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		786.170.487.255	533.670.255.704
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	27.1	528.416.370.628	117.760.568.615

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	3.001	2.359
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	36	2.234	1.599



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.658.244.054.519	771.577.657.015
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		329.863.959.350	104.190.343.185
03	Các khoản dự phòng		5.971.972.873	6.922.799.298
04	Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.279.804.188	(1.399.338.600)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(776.698.529.839)	(266.527.345.836)
06	Chi phí lãi vay	30	367.135.076.972	67.726.821.032
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.586.796.338.063	682.490.936.094
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		320.297.235.539	(77.850.159.753)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(180.152.992.826)	345.923.720.112
11	Giảm các khoản phải trả		(118.205.565.418)	(494.115.852.241)
12	Tăng chi phí trả trước		(125.150.325.840)	(47.417.193.163)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(709.958.990.922)	(197.046.708.523)
14	Tiền lãi vay đã trả		(380.604.353.835)	(55.722.805.787)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(333.737.726.193)	(112.938.901.052)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.950.087.949	11.795.857.545
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(99.747.083.044)	(63.981.574.353)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(30.513.376.527)	(8.862.681.121)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(321.461.088.860)	(379.654.472.396)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		21.847.792.178	384.745.165
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.887.969.401.933)	(173.300.473.823)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		515.179.880.069	575.561.799.556
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.855.039.412.447)	(755.196.492.305)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		860.580.707.486	42.889.376.109
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		206.924.162.788	189.632.396.012
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.459.937.360.719)	(499.683.121.682)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		1.549.250.173.028	2.211.060.000
33	Tiền thu từ đi vay		8.224.544.519.876	5.455.770.445.434
34	Tiền trả nợ gốc vay		(8.602.022.335.891)	(2.361.061.793.228)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(495.512.817.241)	(195.137.831.296)
	Trong đó:			
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ		(232.049.645.000)	(154.433.705.000)
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(263.463.172.241)	(40.704.126.296)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		676.259.539.772	2.901.781.880.910
50	Lưu chuyển tiền trong năm		(1.814.191.197.474)	2.393.236.078.107
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.912.224.131.908	518.493.494.834
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(515.667.957)	494.558.967
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.097.517.266.477	2.912.224.131.908



Dương Việt Nga
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau này, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 23 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.374 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.990 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	79,76%	79,76%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	65,88%	65,88%	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX ("Năng lượng GELEX")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng
4	Công ty TNHH GELEX Campuchia ("GELEX Campuchia")	100%	100%	Số 4B Đường 564, Phnom Penh, Campuchia	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	70,79%	70,79%	Đường số 09, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
6	Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Đo Điện ("EMIC")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất thiết bị đo điện
7	Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam ("K.I.P Việt Nam") [trước đây là Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I]	72,40%	72,40%	Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện dân dụng và công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
8	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans")	54,78%	54,78%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
9	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari ("VIHEM")	65,37%	65,37%	Tổ 24, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện
10	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land ("GELEX Land")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cadivi:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	100%	100%	Đường số 1, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc ("Cadivi Miền Bắc")	100%	100%	Lô D1-3, Khu Công nghiệp Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh dây và cáp điện

Công ty HEM:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	99,82%	99,82%	Lô J12, đường số 10, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	51,35%	51,35%	Km12 – đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Công ty Năng lượng GELEX:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	67,93%	67,93%	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh thủy điện
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX ("GELEX ICC")	81,25%	81,25%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Năng lượng GELEX: (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
3	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("GELEX Ninh Thuận") (i)	100%	100%	Số 126 đường 16/4, phường Mỹ Hải, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất và kinh doanh điện mặt trời
4	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Bình Thuận ("GELEX Bình Thuận") (i)	86,79%	90%	Khu biệt thự Sunny Villa, Hòn Rơm, Phường Mũi Né, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh điện mặt trời

(i) Các công ty con này chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh do vẫn đang trong giai đoạn phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

Công ty Sotrans:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")	51%	51%	Số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
2	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("Hạ tầng Sotrans")	100%	100%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải
3	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam ("Sowatco")	84,39%	84,39%	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu và dịch vụ tiếp vận
4	Công ty TNHH Một thành viên ("Sotrans Hà Tĩnh")	100%	100%	Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ
5	Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức ("VTX")	84%	84%	Số 80-82 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ và vận tải đường thủy
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	86,15%	86,15%	Số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Sotrans: (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
7	Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện Thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ")	70%	70%	Số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	51%	51%	Số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tổng công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Tổng Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	45 - 50 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không hao mòn

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất có thời hạn từ 39 năm đến 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Tổng Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng dựa trên biên bản đo lường điện năng tiêu thụ và đơn giá bán điện được quy định theo Hợp đồng mua bán ký với Tập đoàn điện lực Việt Nam.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất .

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận, kinh doanh điện và các dịch vụ khác.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 *Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam trong năm 2016*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua 27,35% cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Công ty Thibidi") và qua đó, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Thibidi thành 70,79%. Theo đó, Công ty Thibidi trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty Thibidi là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600253826, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 12 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 19 tháng 12 năm 2016.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty Thibidi là chế tạo, thiết kế, bán các máy móc, thiết bị điện. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Thibidi với mục đích phát triển mảng sản xuất và kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Thibidi tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Thibidi. Sau đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Thibidi tại ngày mua với những thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây, được điều chỉnh hồi tố như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.1 Hoàn thành kế toán tạm thời đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh mua Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam trong năm 2016 (tiếp theo)

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý sau điều chỉnh
			Đơn vị tính: VND
Tài sản			
Tiền và các khoản đương tiền	647.285.209.058	-	647.285.209.058
Các khoản phải thu ngắn hạn	352.689.650.396	-	352.689.650.396
Hàng tồn kho	625.916.042.866	-	625.916.042.866
Tài sản ngắn hạn khác	8.766.932.668	-	8.766.932.668
Tài sản cố định	100.866.026.891	69.403.760.061	170.269.786.952
Tài sản dài hạn khác	5.791.381.333	-	5.791.381.333
	1.741.315.243.212	69.403.760.061	1.810.719.003.273
Nợ phải trả			
Phải trả người bán	165.834.689.781	-	165.834.689.781
Vay và nợ thuê tài chính	262.466.843.149	-	262.466.843.149
Phải trả khác	219.027.765.697	-	219.027.765.697
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (phát sinh do điều chỉnh giá trị hợp lý)	-	13.880.752.012	13.880.752.012
	647.329.298.627	13.880.752.012	661.210.050.639
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	1.093.985.944.585	55.523.008.049	1.149.508.952.634
Cổ đông không kiểm soát [b]	319.520.811.101	16.216.622.028	335.737.433.129
Giá trị của khoản đầu tư đã mua trước đó [c]	218.070.592.690	50.130.147.810	268.200.740.500
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 18) [d]	21.805.459.206	10.823.761.789	32.629.220.995
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [e] = [a - b - c + d]	578.200.000.000	-	578.200.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con			
Tiền thu về từ công ty con	647.285.209.058	-	647.285.209.058
Tiền chi để mua công ty con	(578.200.000.000)	-	(578.200.000.000)
Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua	69.085.209.058	-	69.085.209.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.2 Mua Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ

Vào ngày 27 tháng 2 năm 2017, Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX, công ty con được sở hữu 100% bởi Tổng Công ty, đã hoàn tất việc mua 65% cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ") và theo đó, Công ty Phú Thạnh Mỹ trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Công ty Phú Thạnh Mỹ là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4000455251, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp vào ngày 17 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 5 được cấp ngày 12 tháng 1 năm 2017.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty Phú Thạnh Mỹ là sản xuất và kinh doanh điện (thuộc dự án Thủy Điện Sông Bung 4A). Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Phú Thạnh Mỹ với mục đích phát triển mảng kinh doanh năng lượng của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Phú Thạnh Mỹ tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị tạm tính ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền và các khoản đương tiền	233.187.871.450
Các khoản phải thu ngắn hạn	53.465.944.265
Tài sản ngắn hạn khác	2.143.514.440
Tài sản cố định hữu hình	1.404.378.097.651
Tài sản dài hạn khác	6.034.095.684
	1.699.209.523.490
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	116.238.105.048
Vay và nợ thuê tài chính	1.011.777.823.000
Phải trả khác	50.070.940.721
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.641.596.609
	1.180.728.465.378
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	518.481.058.112
Cổ đông không kiểm soát [b]	181.468.370.340
Giá trị của khoản đầu tư đã mua trước đó [c]	294.221.335.650
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 18</i>) [d]	70.494.847.878
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [e] = [a - b - c + d]	113.286.200.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	233.187.871.450
Tiền chi để mua công ty con	(113.286.200.000)
Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua	119.901.671.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.2 Mua Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Phú Thạnh Mỹ tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Sotrans.

Kể từ ngày 27 tháng 2 năm 2017 (ngày mua), Công ty Phú Thạnh Mỹ đã đóng góp 71.728.511.982 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Phú Thạnh Mỹ từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 27 tháng 2 năm 2017 tương ứng là 48.788.190.435 VND và 15.890.592.135 VND.

4.3 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 (ngày mua), Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 26,01% cổ phần của Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam ("Sotrans") và qua đó, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Sotrans thành 51,03%. Theo đó, Công ty Sotrans trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty hoàn tất việc mua thêm 3,75% cổ phần của Công ty Sotrans, tăng tỷ lệ sở hữu lên 54,78%.

Công ty Sotrans là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300645369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 13 tháng 12 năm 2016. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty Sotrans là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho bãi; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa.

Tại ngày mua, Công ty Sotrans sở hữu trực tiếp 4 công ty con bao gồm:

- Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam;
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (*);
- Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh; và
- Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức.

(*) Công ty con này sở hữu Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam, là một công ty sở hữu 3 công ty con và 3 công ty liên kết khác.

Ngoài ra, Công ty Sotrans có 4 khoản đầu tư vào các công ty liên kết là:

- Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO;
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier;
- Công ty TNHH Lô-gi-Stíc Gefco – Sotrans; và
- Công ty Cổ phần MHC.

Thông tin về tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết và hoạt động của Công ty Sotrans và các công ty con, công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 16.

Tổng Công ty mua Công ty Sotrans với mục đích phát triển mảng kinh doanh vận tải và tiếp vận của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.3 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (tiếp theo)

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Sotrans tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị tạm tính ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	468.963.768.204
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	40.340.032.081
Các khoản phải thu ngắn hạn	298.175.317.905
Tài sản ngắn hạn khác	35.904.463.030
Tài sản cố định	513.715.819.913
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	131.638.500.464
Đầu tư vào công ty liên kết	495.850.002.415
Đầu tư vào đơn vị khác	321.813.266.614
Chi phí trả trước dài hạn	115.669.919.275
Tài sản dài hạn khác	4.665.620.636
	2.426.736.710.537
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	93.203.487.028
Vay và nợ	694.674.606.914
Phải trả khác	258.229.012.854
Thuế hoãn lại phải trả (phát sinh do điều chỉnh giá trị hợp lý)	36.600.178.509
	1.082.707.285.305
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	1.344.029.425.232
Cổ đông không kiểm soát [b]	851.474.434.731
Giá trị của khoản đầu tư đã mua trước đó [c]	579.799.558.000
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 18</i>) [d]	667.422.005.234
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [e] = [a - b - c + d]	580.177.437.735
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	468.963.768.204
Tiền chi để mua công ty con	(580.177.437.735)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	(111.213.669.531)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Sotrans tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Sotrans.

Kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017 (ngày mua), Công ty Sotrans đã đóng góp 615.385.076.607 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Sotrans từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến 15 tháng 3 năm 2017 tương ứng là 320.553.688.378 VND và 37.886.558.143 VND.

4.4 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 22,91% cổ phần của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam ("K.I.P Việt Nam"), trước đây là Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I, thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty K.I.P Việt Nam. Thông qua giao dịch này, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty K.I.P Việt Nam thành 72,40% và theo đó, Công ty K.I.P Việt Nam trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.4 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1 (tiếp theo)

Công ty K.I.P Việt Nam là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công Nghiệp. Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000160 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 số 0500447942 được cấp ngày 13 tháng 12 năm 2017. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty K.I.P Việt Nam là chế tạo và kinh doanh các thiết bị đóng ngắt, điều khiển và bảo vệ dòng điện.

Tổng Công ty mua Công ty K.I.P Việt Nam với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty K.I.P Việt Nam tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

Giá trị tạm tính ghi nhận
tại ngày mua

Tài sản	
Tiền	21.184.202.902
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	25.910.006.124
Các khoản phải thu ngắn hạn	28.575.137.931
Hàng tồn kho	21.123.929.521
Tài sản cố định	31.101.148.183
Tài sản dài hạn khác	852.209.856
	128.746.634.517
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	21.865.157.256
Phải trả khác	14.083.858.390
	35.949.015.646
Tổng tài sản thuần theo giá trị tạm tính [a]	92.797.618.871
Cổ đông không kiểm soát [b]	25.846.171.891
Giá trị của khoản đầu tư đã mua trước đó [c]	45.693.567.882
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 18) [d]	5.942.330.107
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [e] = [a - b - c + d]	27.200.209.205
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	21.184.202.902
Tiền chi để mua công ty con	(27.200.209.205)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	(6.016.006.303)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty K.I.P Việt Nam tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty K.I.P Việt Nam.

Kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2017 (ngày mua), Công ty K.I.P Việt Nam đã đóng góp 8.848.234.045 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty K.I.P Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến 31 tháng 5 năm 2017 tương ứng là 127.999.246.661 VND và 6.228.342.719 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.5 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 5.700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari (“Vihem”) thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Vihem. Qua đó, Tổng Công ty sở hữu tổng cộng 7.190.700 cổ phần của Công ty Vihem (tương đương 65,37% vốn điều lệ) và Công ty Vihem trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty Vihem là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 5 ngày 23 tháng 11 năm 2017. Công ty này có trụ sở chính tại tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện.

Tổng Công ty mua Công ty Vihem với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Vihem tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

*Giá trị tạm tính ghi nhận
tại ngày mua*

Tài sản	
Tiền	158.459.577.909
Các khoản phải thu ngắn hạn	32.704.364.688
Hàng tồn kho	37.663.992.543
Tài sản ngắn hạn khác	946.882.444
Tài sản cố định	7.652.587.425
Tài sản dài hạn khác	5.341.546.364
	242.768.951.373
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	10.203.401.593
Vay và nợ	63.822.970.154
Phải trả khác	80.830.190.783
	154.856.562.530
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý [a]	87.912.388.843
Cổ đông không kiểm soát [b]	30.444.060.256
Giá trị của khoản đầu tư đã mua trước đó [c]	17.143.050.000
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 18) [d]	25.224.721.413
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [e] = [a – b – c + d]	65.550.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	158.459.577.909
Tiền chi để mua công ty con	(65.550.000.000)
Tổng tiền thuần đã thu về từ nghiệp vụ mua	92.909.577.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

4.5 *Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari (tiếp theo)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Vihem tại ngày mua, và áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty Vihem.

Kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2017 (ngày mua), Công ty Vihem đã đóng góp 16.203.654.116 VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Vihem từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 17 tháng 7 năm 2017 tương ứng là 67.664.898.550 VND và 6.038.153.730 VND.

4.6 *Mua công ty liên kết - Công ty TNHH SCI Nghệ An*

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2017, Công ty Năng lượng Gelex đã hoàn tất việc mua 12.005.000 cổ phần (tương đương 49% vốn điều lệ) của Công ty TNHH SCI Nghệ An ("SCI Nghệ An") thông qua việc phát hành cổ phần riêng lẻ của Công ty SCI Nghệ An. Qua đó, Công ty SCI Nghệ An trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty thông qua Công ty Năng lượng Gelex từ ngày này.

Công ty TNHH SCI Nghệ An là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2901147160 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 12 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại bản Huồi Thờ, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính đăng ký của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty SCI Nghệ An với mục đích phát triển mảng kinh doanh năng lượng của Tập đoàn.

Công ty SCI Nghệ An chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh do vẫn đang trong giai đoạn phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư này được trình bày ở Thuyết minh số 16.

4.7 *Mua công ty liên kết – Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội*

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2017, Công ty Cadivi Đồng Nai (một công ty con của Công ty Cadivi) đã hoàn tất việc mua 1.618.000 cổ phần (tương đương 24,89% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Nhựa Hà Nội") thông qua giao dịch thỏa thuận. Qua đó, Công ty Nhựa Hà Nội trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty thông qua Công ty Cadivi Đồng Nai từ ngày này.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24 tháng 1 năm 1972 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2008. Công ty này có trụ sở chính tại Tổ 19, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp; sản xuất, mua bán các thiết bị, vật tư, hóa chất dùng để sản xuất nhựa. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư này được trình bày ở Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	10.646.240.768	3.618.795.858
Tiền gửi ngân hàng	592.954.818.636	548.057.336.050
Các khoản tương đương tiền (*)	493.916.207.073	2.360.548.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.097.517.266.477</u>	<u>2.912.224.131.908</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng mức lãi suất bình quân 4,3%/năm đến 5,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh:						
- Trái phiếu (i)	628.146.597.200	628.146.597.200	-	197.046.708.523	197.046.708.523	-
- Chứng chỉ quỹ (ii)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-
- Ủy thác đầu tư (iii)	124.903.826.847	101.929.470.527	(22.974.356.320)	-	-	-
- Chứng khoán niêm yết (iv)	105.989.547.956	96.037.048.320	(12.662.519.636)	-	-	-
- Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	556.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	909.595.972.003	876.669.116.047	(35.636.875.956)	197.046.708.523	197.046.708.523	-

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu theo các hợp đồng như sau:

Tổ chức phát hành	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	139.524.375.000	Kỳ hạn 2 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 21 tháng 2 năm 2019	9,5%	Tin chấp
Công ty Cổ phần Luyện Kim Bắc Việt	103.622.222.200	Kỳ hạn 36 tháng, lãi được nhận hàng năm. Trái phiếu đáo hạn vào ngày 28 tháng 3 năm 2020	8,0%	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ("Công ty Hải An")	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2020	9,5%	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu theo các hợp đồng như sau (tiếp theo):

<i>Tổ chức phát hành</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Hải An	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm, đáo hạn vào ngày 29 tháng 8 năm 2020	9,5%	(*)
Công ty Hải An	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 18 tháng 4 năm 2020	10,5%	(*)
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng ("Công ty Lâm Đồng")	85.000.000.000	Kỳ hạn 4 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn vào ngày 4 tháng 5 năm 2021	10,5%	(*)
TỔNG CỘNG	<u>628.146.597.200</u>			

(*) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

Tập đoàn phân loại các trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản mục này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản chứng chỉ quỹ như sau:

Nội dung	Số cuối năm		Thời hạn đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	50.000.000.000	-	Thời hạn 12 tháng	Tín chấp
TỔNG CỘNG	50.000.000.000	-		

(iii) Chi tiết các khoản ủy thác đầu tư như sau:

Nội dung	Số cuối năm		Thời hạn đầu tư	Hình thức đảm bảo
	Giá gốc	Dự phòng		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát	80.500.000.000	(19.148.893.320)	Thời hạn không quá 12 tháng nhằm mục đích đầu tư chứng khoán và các giấy tờ có giá khác, khoản ủy thác cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 3 năm 2018	Tín chấp
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	44.403.826.847	(3.825.463.000)	Thời hạn 12 tháng nhằm mục đích đầu tư chứng khoán, đáo hạn vào ngày 19 tháng 1 năm 2018	Tín chấp
TỔNG CỘNG	124.903.826.847	(22.974.356.320)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

(iv) Chi tiết các khoản chứng khoán niêm yết như sau:

Nội dung	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần GTNFoods	73.429.980.000	76.140.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	27.560.799.998	15.291.500.000	(12.269.299.998)	-	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Đông Anh	4.870.895.400	4.599.000.000	(271.895.400)	-	-	-
Các cổ phiếu khác	127.872.558	6.548.320	(121.324.238)	-	-	-
TỔNG CỘNG	105.989.547.956	96.037.048.320	(12.662.519.636)	-	-	-

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Nội dung	Số cuối năm			Số đầu năm (Trình bày lại)			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	
	Tiền gửi có kỳ hạn (i)	249.969.163.922	249.969.163.922	-	156.347.794.267	156.347.794.267	
Ủy thác đầu tư (ii)	422.300.000.000	422.300.000.000	-	-	-	-	
TỔNG CỘNG	672.269.163.922	672.269.163.922	-	156.347.794.267	156.347.794.267	-	

(i) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn từ 6 tháng và hưởng mức lãi suất từ 5,3% đến 7,9%/năm.

(ii) Đây là các khoản ủy thác cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

7.1 Phải thu khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	1.826.893.952.505	1.223.696.625.485
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	209.836.034.793	88.333.399.058
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thiết bị Điện TTC	166.204.095.922	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	129.309.275.618	48.006.417.479
- Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.348.046.487	-
- Công ty TNHH Thiết bị Điện Quý Dân	86.724.462.530	95.321.690.364
- Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	76.003.768.972	49.378.466.578
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	68.178.399.743	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	984.289.868.440	942.656.652.006
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	33.777.491.140	-
TỔNG CỘNG	1.860.671.443.645	1.223.696.625.485
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(223.861.019.844)	(32.267.650.971)
Dài hạn		
Phải thu từ khách hàng	75.339.914.100	-
- Công ty Điện lực Hưng Yên	11.493.682.200	-
- Công ty Điện lực Vĩnh Phúc	10.712.897.800	-
- Công ty Điện lực Thanh Hóa	7.479.065.000	-
- Công ty Điện lực Hà Nam	6.981.076.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	38.673.193.100	-
TỔNG CỘNG	75.339.914.100	-

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	-
RMM Metallhandel GMBH	7.473.234.592	6.871.886.896
Indee International Trading Co., Ltd	-	420.934.784
Upcast Oy Co.,Ltd	-	11.050.119.208
Các khoản trả trước khác	46.592.441.374	21.688.865.637
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	771.185.140	-
TỔNG CỘNG	63.610.678.720	40.031.806.525
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(16.247.061.206)	(4.810.320.827)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vật tư Xây dựng Hà Nội (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	200.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn với bên liên quan (Thuyết minh số 35)	100.000.000.000	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	104.200.000.000	6.000.000.000
Dự phòng cho vay ngắn hạn khó đòi	(2.000.000.000)	-

(*) Khoản cho vay này có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6%/năm và không có tài sản đảm bảo.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần (i)	947.258.640.000	-	213.286.200.000	-
Phải thu cổ tức	2.764.855.000	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	29.481.714.082	(1.430.246.060)	11.466.484.760	-
Phải thu tiền lãi từ hoạt động đầu tư	52.136.498.968	(67.500.000)	5.800.265.279	-
Ký quỹ, ký cược	37.256.604.996	-	5.877.244.574	-
Phải thu khác	55.629.208.539	(3.123.214.730)	8.175.139.752	-
TỔNG CỘNG	1.124.527.521.585	(4.620.960.790)	244.605.334.365	-

(i) Các khoản đặt cọc mua cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn bao gồm:

- Khoản đặt cọc với số tiền là 834 tỷ VND cho hai công ty để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực nước sạch, thông qua các hợp đồng đặt cọc ký với các công ty này trong năm 2017.
- Khoản đặt cọc với số tiền là 113 tỷ VND cho một số cá nhân để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thiết bị điện và hai công ty trong lĩnh vực năng lượng, thông qua các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân này ký trong năm 2017.

10. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.348.046.487	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	-	19.260.526.417	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Việt	15.759.439.543	-	-	-
Công ty TNHH Vật liệu Điện Thiên Phong	14.105.503.040	-	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	-	-	-
RMM Metallhandel GmbH	7.473.234.592	-	6.871.886.896	2.061.566.069
Các khoản khác	117.260.641.911	42.252.167.764	13.932.375.344	925.250.790
TỔNG CỘNG	288.981.209.604	42.252.167.764	40.064.788.657	2.986.816.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	22.770.837.372	-	64.971.150.980	-
Nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế	663.998.822.591	(2.456.391.240)	473.637.539.103	-
Công cụ, dụng cụ	4.269.010.086	(650.000)	1.569.486.230	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241.124.488.671	(14.848.918)	287.851.646.496	-
Thành phẩm	932.874.212.579	(12.195.136.725)	773.459.768.508	(5.999.727.151)
Hàng hoá	3.296.838.753	(3.706.899)	3.830.685.536	-
Hàng gửi bán	1.198.866.633	-	-	-
TỔNG CỘNG	1.869.533.076.685	(14.670.733.782)	1.605.320.276.853	(5.999.727.151)

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay và trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 24.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	5.999.727.151	5.443.789.845
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	10.860.813.764	5.999.727.151
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.189.807.133)	(5.443.789.845)
Số cuối năm	14.670.733.782	5.999.727.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	653.947.152.368	996.651.547.345	124.326.137.078	70.916.590.283	1.845.841.427.074
- Mua trong năm	-	146.203.084.274	80.445.115.569	3.255.885.635	229.904.085.478
- Đầu tư XDCB hoàn thành	254.555.201.082	-	-	-	254.555.201.082
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.312.797.593.288	846.486.764.003	692.971.568.047	6.335.978.237	2.858.591.903.575
- Tăng/(giảm) do phân loại lại	124.944.777	475.055.223	(600.000.000)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(535.920.976)	(7.720.821.036)	(9.331.057.935)	(491.436.843)	(18.079.236.790)
- Phân loại sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 14)	(70.956.444.711)	(7.544.826.815)	-	(33.327.754.399)	(111.829.025.925)
- Giảm khác	-	-	(2.996.923)	(429.761)	(3.426.684)
Số dư cuối năm	2.149.932.525.828	1.974.550.802.994	887.808.765.836	46.688.833.152	5.058.980.927.810
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>152.435.136.005</i>	<i>374.140.246.248</i>	<i>246.316.334.566</i>	<i>11.845.485.787</i>	<i>784.737.202.606</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	274.294.721.823	566.835.760.864	66.705.819.600	18.993.132.199	926.829.434.486
- Khấu hao trong năm	65.005.248.470	123.271.860.574	65.755.602.182	7.226.542.732	261.259.253.958
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	271.966.364.128	260.865.673.664	481.285.107.842	5.549.201.295	1.019.666.346.929
- Tăng/(giảm) do phân loại lại	53.563.080	69.194.268	(122.757.348)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(535.920.976)	(7.383.730.964)	(8.984.603.943)	(491.436.843)	(17.395.692.726)
- Phân loại sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 14)	(3.892.744.418)	(1.103.340.795)	-	(7.293.661.875)	(12.289.747.088)
- Giảm khác	-	-	(1.907.980)	(360.275)	(2.268.255)
Số dư cuối năm	606.891.232.107	942.555.417.611	604.637.260.353	23.983.417.233	2.178.067.327.304
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	379.652.430.545	429.815.786.481	57.620.317.478	51.923.458.084	919.011.992.588
Số dư cuối năm	1.543.041.293.721	1.031.995.385.383	283.171.505.483	22.705.415.919	2.880.913.600.506

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp cho các khoản vay và trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 24.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	54.116.285.959	4.322.892.776	58.439.178.735
- Mua trong năm	-	3.415.902.192	3.415.902.192
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	117.086.250.360	5.314.311.255	122.400.561.615
- Thanh lý, nhượng bán	<u>(3.523.766.400)</u>	<u>(1.311.398.203)</u>	<u>(4.835.164.603)</u>
Số dư cuối năm	<u>167.678.769.919</u>	<u>11.741.708.020</u>	<u>179.420.477.939</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	<i>8.858.319.553</i>	<i>2.360.687.849</i>	<i>11.219.007.402</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	8.858.319.553	2.420.687.849	11.279.007.402
- Hao mòn trong năm	1.019.825.724	1.206.497.525	2.226.323.249
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	4.475.062.893	4.475.062.893
- Thanh lý, nhượng bán	-	<u>(1.311.398.203)</u>	<u>(1.311.398.203)</u>
Số dư cuối năm	<u>9.878.145.277</u>	<u>6.790.850.064</u>	<u>16.668.995.341</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	<u>45.257.966.406</u>	<u>1.902.204.927</u>	<u>47.160.171.333</u>
Số dư cuối năm	<u>157.800.624.642</u>	<u>4.950.857.956</u>	<u>162.751.482.598</u>

Một số tài sản cố định vô hình đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại thuyết minh số 24.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản khác (*)	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	86.633.065.746	48.691.588.800	135.324.654.546
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.374.201.599	-	2.374.201.599
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 12)	70.956.444.711	40.872.581.214	111.829.025.925
Số dư cuối năm	159.963.712.056	89.564.170.014	249.527.882.070
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	3.164.841.306	5.887.972.249	9.052.813.555
Khấu hao trong năm	1.849.652.618	5.031.027.382	6.880.680.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.374.201.599	-	2.374.201.599
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 12)	3.892.744.418	8.397.002.670	12.289.747.088
Số dư cuối năm	11.281.439.941	19.316.002.301	30.597.442.242
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	83.468.224.440	42.803.616.551	126.271.840.991
Số dư cuối năm	148.682.272.115	70.248.167.713	218.930.439.828

(*) Đây là cơ sở hạ tầng gắn liền với bất sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội (tính theo tỷ lệ phần diện tích cho thuê trên tổng diện tích thương mại), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 24.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án trung tâm thương mại và văn phòng cao cấp tại 799 Kinh Dương Vương (*)	127.243.482.364	127.243.482.364
Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt	110.341.688.319	10.428.649.025
Dự án xây dựng văn phòng khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.919.124.001	4.138.214.910
Dự án nhà máy cáp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung	3.802.882.215	87.341.965.142
Xây dựng cơ bản dở dang khác	19.649.132.444	4.274.430.854
TỔNG CỘNG	265.956.309.343	233.426.742.295

(*) Đây là tiền sử dụng đất cho diện tích 5.092 m² tại đường Kinh Dương Vương, phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh mà Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam, công ty con của Tổng Công ty, đã tạm nộp vào ngân sách Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 16.1)	1.207.984.753.588	-	1.207.984.753.588	1.000.267.658.228	-	1.000.267.658.228
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 16.2)	95.417.309.831	(1.222.933.776)	94.194.376.055	3.495.681.301	(386.991.550)	3.108.689.751
Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 16.3)	370.198.158.333	-	370.198.158.333	600.000.000	-	600.000.000
TỔNG CỘNG	1.673.600.221.752	(1.222.933.776)	1.672.377.287.976	1.004.363.339.529	(386.991.550)	1.003.976.347.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH SCI Nghệ An (i)	49,00	49,00	-	-
Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT (ii)	45,00	36,35	45,00	36,35
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (iii)	(*) 27,39	50,00	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (iv)	(*) 27,39	50,00	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (v)	(*) 19,85	24,89	-	-
Công ty TNHH SAS CTAMAD (vi)	(*) 23,14	35,00	23,14	35,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (Sowatco-Eco 747) (vii)	(*) 22,65	49,00	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1 (viii)	(*) 22,23	34,00	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2 (ix)	(*) 22,23	34,00	-	-
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (VICT) (x)	(*) 17,10	37,00	-	-
Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín (xi)	(*) 13,59	20,00	-	-
Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco – Sotrans (xii)	(*) 13,42	24,50	-	-
Công ty Cổ phần MHC (xiii)	(*) 12,60	23,00	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (Sowatcoser) (xiv)	(*) 12,10	26,27	-	-
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam (KIP) (xv)	-	-	49,24	49,24
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (xvi)	-	-	25,50	25,50
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (STG) (xvii)	-	-	24,93	24,93
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari (xviii)	-	-	34,27	34,27

(*) Đây là tỷ lệ lợi ích gián tiếp mà Tổng Công ty nắm giữ thông qua các công ty con (mà Tổng Công ty không sở hữu 100% vốn) và theo đó, khác biệt so với tỷ lệ biểu quyết trực tiếp tại các công ty liên kết này.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

- (i) Xem thêm tại Thuyết minh số 4.
- (ii) Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1576/GPĐT do Trường Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 9, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện từ và cáp viễn thông. Theo Giấy phép đầu tư nói trên, tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT được tăng từ 36,35% lên 45% từ năm 2016 đến hết thời hạn giấy phép (năm 2026) mặc dù phần vốn góp của Tổng Công ty trong đơn vị liên kết này không đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn như sau (tiếp theo):

- (iii) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0312576215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Tầng 16, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là kinh doanh dịch vụ bất động sản.
- (iv) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313877800 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Phòng 1606, lầu 16, tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là kinh doanh bất động sản.
- (v) Xem thêm tại Thuyết minh số 4.
- (vi) Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994 và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1018/GCNĐC3-BKH ngày 23 tháng 8 năm 2006. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng; vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.
- (vii) Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2900751997 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại số 161/1 Trường Chinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- (viii) Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari 1 là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0400637065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đà Nẵng cấp ngày 17 tháng 6 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại 495B Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, tỉnh Đà Nẵng. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là buôn bán máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy.
- (ix) Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari 2 là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0305798633 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 6 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại 652/44 Cộng Hòa, phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là buôn bán máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn như sau (tiếp theo):

- (x) Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1 là một công ty liên doanh được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các Giấy phép Đầu tư điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container.
- (xi) Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4000969881 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 16 tháng 1 năm 2014. Công ty này có trụ sở chính tại huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Hoạt động chính đăng ký của công ty này là xây dựng dân dụng.
- (xii) Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco - Sotrans là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Công ty này có trụ sở chính tại số 55-57, Đường Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ.
- (xiii) Công ty Cổ phần MHC là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100793715 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 1998 và Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 1 tháng 4 năm 2015. Công ty này có trụ sở chính tại Tầng 7, tòa nhà An Hải Km 2, đường Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa.
- (xiv) Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303215396 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Công ty này có trụ sở chính tại 38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty này là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- (xv) Xem thêm tại Thuyết minh số 4.
- (xvi) Đã thoái vốn trong năm 2017.
- (xvii) Xem thêm tại Thuyết minh số 4.
- (xviii) Xem thêm tại Thuyết minh số 4.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

	Số đầu năm	Chuyển thành công ty con	Thanh lý trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)	Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	Cổ tức được chia trong năm	Số cuối năm
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	-	-	-	369.231.459.053	7.005.268.058	-	376.236.727.111
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	279.388.313.061	-	-	-	32.338.459.243	(31.235.821.065)	280.490.951.239
Công ty TNHH SCI Nghệ An	-	-	-	156.065.000.000	-	-	156.065.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	-	-	-	155.560.992.000	-	-	155.560.992.000
Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT	108.275.111.882	-	-	-	12.324.984.426	(10.244.480.513)	110.355.615.795
Công ty Cổ phần MHC	-	-	-	103.209.172.207	(625.242.058)	-	102.583.930.149
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	-	-	-	9.981.382.983	(4.098.043)	-	9.977.284.940
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	-	-	-	9.956.735.704	(6.135.915)	-	9.950.599.789
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	-	-	-	3.167.377.306	(462.103)	-	3.166.915.203
Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín	-	-	-	1.463.335.348	7.723.460	-	1.471.058.808
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari 2	-	-	-	1.020.000.000	6.385.012	-	1.026.385.012
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari 1	-	-	-	1.020.000.000	79.293.542	-	1.099.293.542
Công ty TNHH Lô-Gi-Stic Gefco – Sotrans	-	-	-	303.875.163	(303.875.163)	-	-

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chuyển thành công ty con	Thanh lý trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh (*)	Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	Cổ tức được chia trong năm	Số cuối năm
Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	554.292.836.363	(562.740.617.708)	-	-	8.447.781.345	-	-
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	49.506.970.116	(45.693.567.882)	-	-	677.287.766	(4.490.690.000)	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	7.818.599.076	-	(7.818.599.076)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari	985.827.730	(3.055.040.550)	-	-	2.069.212.820	-	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	-	(294.221.335.650)	-	288.504.800.000	5.716.535.650	-	-
TỔNG CỘNG	1.000.267.658.228	(905.710.561.790)	(7.818.599.076)	1.099.484.129.764	67.733.118.040	(45.970.991.578)	1.207.984.753.588

(*) Trong năm, Tổng Công ty có mua thêm một số công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 4. Theo đó, Tổng Công ty sở hữu gián tiếp các khoản đầu tư vào các công ty liên kết do các công ty con này nắm giữ.

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn khác

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (cổ phiếu)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào cổ phiếu								
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	2.340.000	89.728.310.880	(1.112.510.880)	88.615.800.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	50.541	2.178.670.000	-	2.178.670.000	50.541	2.178.670.000	(386.991.550)	1.791.678.450
Các cổ phiếu khác		3.510.328.951	(110.422.896)	3.399.906.055		1.317.011.301	-	1.317.011.301
TỔNG CỘNG		95.417.309.831	(1.222.933.776)	94.194.376.055		3.495.681.301	(386.991.550)	3.108.689.751

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	14.058.158.333	14.058.158.333	600.000.000	600.000.000
Đầu tư trái phiếu (**)	356.140.000.000	356.140.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	370.198.158.333	370.198.158.333	600.000.000	600.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn trên 12 tháng, hưởng lãi suất từ 6,5% đến 6,7%/năm.

(**) Bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu của các công ty sau:

- 200 trái phiếu của Công ty Cổ phần Bất động sản Tây Hồ Tây, kỳ hạn 2 năm, đáo hạn vào ngày 6 tháng 1 năm 2019, lãi trái phiếu là 11%/năm, được thanh toán 6 tháng một lần, và có tài sản đảm bảo là 23.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương mà Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây nắm giữ.
- 155 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB. Bao gồm 100 trái phiếu nắm giữ bởi Thibidi, đáo hạn vào ngày 9 tháng 1 năm 2019, lãi trái phiếu là 10,5%/năm, 40 trái phiếu nắm giữ bởi VTX và 15 trái phiếu nắm giữ bởi Vihem có cùng ngày đáo hạn vào ngày 21 tháng 2 năm 2019, lãi trái phiếu là 9,5%. Lãi trái phiếu được thanh toán 6 tháng một lần, và không có tài sản đảm bảo.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	6.558.923.904	1.094.142.272
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.189.311.447	2.406.802.733
TỔNG CỘNG	15.748.235.351	3.500.945.005
Dài hạn		
Chi phí thuê đất trả trước (*)	358.228.266.514	139.326.117.592
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.209.411.176	12.743.034.340
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	6.637.856.557	8.926.571.530
Công cụ, dụng cụ	17.379.633.314	11.176.235.188
Chi phí nội thất và cải tạo văn phòng	5.086.514.073	8.466.491.146
Chi phí trả trước dài hạn khác	29.293.248.752	8.640.176.947
TỔNG CỘNG	428.834.930.386	189.278.626.743

(*) Một số quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 24.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Công ty Sotrans	Công ty Phú Thanh Mỹ	Công ty K.I.P Việt Nam	Công ty Thibidi	Công ty Vihem	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm (Trình bày lại)	-	-	-	32.629.220.995	-	32.629.220.995
Tăng trong năm (Thuyết minh số 4)	667.422.005.234	70.494.847.878	5.942.330.107	-	25.224.721.413	769.083.904.632
Số cuối năm	667.422.005.234	70.494.847.878	5.942.330.107	32.629.220.995	25.224.721.413	801.713.125.627
Phân bổ lũy kế:						
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Phân bổ trong năm	(50.056.650.393)	(5.874.570.657)	(346.635.923)	(3.262.922.100)	(1.261.236.070)	(60.802.015.143)
Số cuối năm	(50.056.650.393)	(5.874.570.657)	(346.635.923)	(3.262.922.100)	(1.261.236.070)	(60.802.015.143)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm (Trình bày lại)	-	-	-	32.629.220.995	-	32.629.220.995
Số cuối năm	617.365.354.841	64.620.277.221	5.595.694.184	29.366.298.895	23.963.485.343	740.911.110.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

19.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	793.121.227.710	793.121.227.710	556.069.733.586	556.069.733.586
- LS Nikko Cooper Inc	123.229.240.206	123.229.240.206	240.900.940.245	240.900.940.245
- Glencore International AG Co., Ltd	78.055.354.562	78.055.354.562	-	-
- Tổng Công ty Thủy lợi 4	39.050.152.061	39.050.152.061	-	-
- Công ty Cổ phần Ngô Han	35.420.000.000	35.420.000.000	-	-
- Phải trả đối tượng khác	517.366.480.881	517.366.480.881	315.168.793.341	315.168.793.341
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	57.295.942.988	57.295.942.988	62.028.156.183	62.028.156.183
TỔNG CỘNG	850.417.170.698	850.417.170.698	618.097.889.769	618.097.889.769

19.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển INDO Trần	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	20.410.219.655	1.340.000.000
Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	17.181.900.000	5.202.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	11.094.529.543	3.070.000.000
Ban Quản lý Dự án Các Công trình Điện Miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia	-	8.820.677.122
Các đối tượng khác trả tiền trước	54.931.902.889	19.830.755.774
TỔNG CỘNG	183.618.552.087	38.263.732.896

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	10.880.125.261	523.239.087.402	(522.021.516.481)	12.097.696.182
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.320.131.626	346.887.119.179	(333.737.726.193)	54.469.524.612
Thuế thu nhập cá nhân	3.039.970.083	55.988.866.032	(54.172.939.992)	4.855.896.123
Thuế đất	1.337.018.090	10.418.704.806	(11.750.489.246)	5.233.650
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	985.042.991	31.926.892.130	(27.404.990.161)	5.506.944.960
TỔNG CỘNG	57.562.288.051	968.460.669.549	(949.087.662.073)	76.935.295.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Chi phí lãi vay	21.999.694.475	12.526.486.606
Chi phí khác	24.122.264.937	25.773.991.824
TỔNG CỘNG	<u>46.121.959.412</u>	<u>38.300.478.430</u>

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	3.371.224.080	8.964.986.290
Thu nhập từ bồi thường di dời chưa thực hiện từ công ty liên kết (*)	36.050.598.364	-
Doanh thu khác	1.327.069.745	11.367.900.000
TỔNG CỘNG	<u>40.748.892.189</u>	<u>20.332.886.290</u>
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	45.835.022.150	46.945.637.558
TỔNG CỘNG	<u>45.835.022.150</u>	<u>46.945.637.558</u>

(*) Đây là phần lợi nhuận chưa thực hiện liên quan đến khoản nhận bồi thường di dời tài sản (ghi nhận trong năm 2016) với số tiền là 72 tỷ VND từ Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO, công ty liên kết của Tập đoàn theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao các khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	293.570.240.296	282.574.926.965
Phải trả liên quan đến dịch vụ xuất khẩu lao động	29.716.899.836	-
Nhận tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời (ii)	40.000.000.000	-
Nhận tạm ứng chuyển nhượng các khoản đầu tư (iii)	39.940.000.000	-
Nhận đặt cọc thực hiện dự án (iv)	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức phải trả	15.154.549.978	9.863.439.719
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	2.636.372.707	3.225.624.594
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	54.201.010.298	8.751.739.983
TỔNG CỘNG	495.219.073.115	324.415.731.261
Dài hạn		
Chứng quyền đặt mua (v)	90.000.000.000	90.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	29.050.625.007	9.062.274.095
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	580.551.000	-
TỔNG CỘNG	119.631.176.007	99.062.274.095

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	40.000.000.000	-
Phải trả các bên khác	574.850.249.122	423.478.005.356

- (i) Đây chủ yếu là khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng và chịu lãi suất tối đa 9,6%/năm.
- (ii) Đây là khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO, công ty liên kết của Tập đoàn theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao các khu đất (ngoài các khu đất đã bàn giao như đề cập tại Thuyết minh số 22) tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (iii) Là các khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư liên quan về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier và Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO, các công ty liên kết của Tập đoàn.
- (iv) Đây là khoản tiền đặt cọc của một công ty và một cá nhân để thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyên Hãn – Hà Nội.
- (v) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IB") đã trả cho Tổng Công ty để mua chứng quyền (được tự do chuyển nhượng) theo các Hợp đồng số 20161206/HĐ/IBSC-GEX ngày 6 tháng 12 năm 2016 và số 20161212/HĐ/IBSC-GEX ngày 12 tháng 12 năm 2016. Theo đó, Công ty IB đã mua tổng cộng 1.800 chứng quyền với giá 50 triệu VND/chứng quyền. Mỗi chứng quyền tương ứng với quyền mua 50.000 cổ phần của Tổng Công ty, với giá 20.000 VND/cổ phần. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng và giá mua không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần. Thời gian thực hiện các chứng quyền này không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019. Việc phát hành các chứng quyền này được sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty, thông qua Nghị quyết số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 1 tháng 8 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Số đầu năm (Trình bày lại)		Tăng do hợp nhất kinh doanh	Phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay và nợ ngắn hạn								
Vay ngân hàng	24.1	1.966.640.639.904	1.966.640.639.904	62.995.746.421	7.838.313.804.366	(7.874.477.780.851)	1.993.472.409.840	1.993.472.409.840
Vay từ đối tượng khác	24.3	18.083.133.000	18.083.133.000	36.179.999.447	70.859.580.493	(64.921.603.287)	60.201.109.653	60.201.109.653
Trái phiếu ngắn hạn	24.4	-	-	-	299.165.833.333	-	299.165.833.333	299.165.833.333
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	24.4	360.000.000.000	360.000.000.000	-	360.000.000.000	(360.000.000.000)	360.000.000.000	360.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	24.2	14.192.689.000	14.192.689.000	26.956.571.389	33.478.636.726	(41.149.260.389)	33.478.636.726	33.478.636.726
TỔNG CỘNG		2.358.916.461.904	2.358.916.461.904	126.132.317.257	8.601.817.854.918	(8.340.548.644.527)	2.746.317.989.552	2.746.317.989.552
Vay và nợ dài hạn								
Vay ngân hàng	24.2	96.754.591.005	96.754.591.005	1.039.201.756.613	17.636.903.920	(*) (41.638.691.726)	1.111.954.559.812	1.111.954.559.812
Trái phiếu	24.4	1.433.713.636.364	1.433.713.636.364	596.335.555.561	5.178.682.281	(*) (613.313.636.364)	1.421.914.237.842	1.421.914.237.842
TỔNG CỘNG		1.530.468.227.369	1.530.468.227.369	1.635.537.312.174	22.815.586.201	(654.952.328.090)	2.533.868.797.654	2.533.868.797.654

(*) Trong năm 2017, Tập đoàn đã thanh toán trước hạn một phần vay dài hạn ngân hàng và trái phiếu dài hạn với tổng số tiền là 261,5 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	478.338.236.750	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 6 năm 2018	5,2% - 5,5%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển của Tổng Công ty
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa – Đồng Nai	336.165.814.061	Kỳ hạn vay từ 4 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 6 năm 2018	5,0% - 5,2%	Hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	248.810.003.213	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 15 tháng 6 năm 2018	5,2% - 7,0%	Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế và hàng tồn kho luân chuyển của Tổng Công ty
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	157.044.655.130	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 8 tháng 2 năm 2018	4,8%	Hàng tồn kho và các khoản phải thu của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	152.897.565.671	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 3 năm 2018	4,8%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	119.963.342.664	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 5 tháng 3 năm 2018	4,8%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	69.246.834.722	Kỳ hạn thấu chi dưới 1 năm. Lãi vay trả hàng tháng. Khoản thấu chi cuối cùng thanh toán ngày 25 tháng 8 năm 2018	6,78%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng trị giá 75 tỷ đồng của Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	67.278.668.766	Kỳ hạn vay từ 4 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 5 năm 2018	5,0% - 5,2%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long	46.119.750.218	Kỳ hạn vay 5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 15 tháng 8 năm 2018	5% - 7%	Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	43.310.132.310	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 2 tháng 3 năm 2018	5,6%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	40.986.250.796	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 5 năm 2018	5,2% - 5,5%	Tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Sở giao dịch số 2	40.884.332.716	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 22 tháng 3 năm 2018	5,5%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	36.660.179.375	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 3 năm 2018	5,2% - 5,4%	Tin chấp
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	31.912.540.498	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 21 tháng 5 năm 2018	5,1% - 5,25%	Tin chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	31.388.694.565	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 3 năm 2018	4,9%	Tin chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	28.461.054.181	Kỳ hạn vay 9 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 3 năm 2018	5,5% - 7,0%	Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	22.788.998.368	Kỳ hạn vay 2 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 1 năm 2018	5,0%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch I	20.182.386.739	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 3 năm 2018	5,9%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển của Tổng Công ty
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đại La	10.000.000.000	Kỳ hạn vay thấu chi tối đa 12 tháng. Lãi thấu chi trả hàng tháng. Khoản thấu chi cuối cùng thanh toán ngày 2 tháng 1 năm 2018	6,2%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng trị giá 10 tỷ đồng của Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	6.270.069.097	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 4 năm 2018	6,8%	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 3 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đà Nẵng	4.571.000.000	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 20 tháng 2 năm 2018	5,47%	Phương tiện vận tải của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	191.900.000	Kỳ hạn vay là 1 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 1 năm 2018	6,5%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	1.993.472.409.840			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Nguyên tệ (USD)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	380.996.616.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2028. Lãi vay trả hàng tháng	6,9%	Các tài sản của công trình Thủy điện Sông Bung 4A của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ
	470.468.207.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2028. Lãi vay trả hàng tháng	8,55% - 11%	Các tài sản của công trình Thủy điện Sông Bung 4A của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	132.150.000.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 25 tháng 7 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng	9,8% - 10,5%	Tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, quyền sử dụng mặt nước quyền khai thác tài nguyên thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.3 Các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	33.787.499.059	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 15 tháng 3 năm 2018	11,7%	2.000.000 cổ phiếu CAV thuộc sở hữu của Tổng Công ty được ký quỹ tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	13.900.527.594	Kỳ hạn vay từ 3 đến 12 tháng. Lãi trả cùng với gốc vay khi đáo hạn.	4% - 7,5%	Tín chấp
Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	10.920.533.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tín chấp
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.592.550.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5% - 6%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	60.201.109.653			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.4 Trái phiếu phát hành

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn
Ngắn hạn						
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (*)	300.000.000.000	10,5%	Đáo hạn vào tháng 11 năm 2018	-		
Chi phí phát hành trái phiếu	(834.166.667)					
TỔNG CỘNG	299.165.833.333					
Dài hạn						
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (**)	1.440.000.000.000	9,3%	Đáo hạn vào tháng 12 năm 2019	1.800.000.000.000	8,5%	Đáo hạn vào tháng 12 năm 2019
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (***)	350.000.000.000	10,15% - 10,3%	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn vào tháng 12 năm 2021	-		
Chi phí phát hành trái phiếu	(8.085.762.158)			(6.286.363.636)		
TỔNG CỘNG	1.781.914.237.842			1.793.713.636.364		
<i>Trong đó:</i>						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	360.000.000.000			360.000.000.000		
Trái phiếu dài hạn	1.421.914.237.842			1.433.713.636.364		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

(*) Gồm 2 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 29112017/HĐĐMTP/GELEX-MIC giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Bảo hiểm Quân đội ký ngày 29 tháng 11 năm 2017, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 155 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 155 tỷ đồng.
- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20171130/HĐĐMTP/GELEX-MBCAPITAL giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ký ngày 30 tháng 11 năm 2017, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 145 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 145 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm: 9.000.000 cổ phiếu tự do chuyển nhượng của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam mà Tổng Công ty nắm giữ và các lợi ích liên quan trực tiếp đến 9.000.000 cổ phiếu này.

(**) Gồm 2 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HĐĐM/TPBANK-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong ký ngày 12 tháng 12 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 800 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 800 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành;
- ▶ 10.946.969 cổ phần trong Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Thibidi"), 24.242.245 cổ phần trong Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM") thuộc sở hữu của Tổng Công ty và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.

- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HĐĐM.TP/VIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình ký ngày 6 tháng 12 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.000 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ 29.000.000 cổ phần phổ thông trong Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam của Tổng Công ty;
- ▶ Toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

24.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

(***) Gồm 3 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2015/DM/VIETINBANK.HCM-SOTRANS giữa Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans") và Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Hồ Chí Minh ký ngày 23 tháng 12 năm 2015 với kỳ hạn 6 năm, theo đó, Công ty Sotrans đã phát hành 400 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 400 tỷ đồng. Trong năm, Công ty Sotrans đã mua lại 250 trái phiếu với tổng mệnh giá là 250 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm: 36.905.000 cổ phiếu trong Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Sowatco"), công ty con của Tập đoàn, của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("Hạ tầng Sotrans").

- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 328/HĐ/STG-VFC giữa Công ty Sotrans và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát ký ngày 19 tháng 4 năm 2016 với kỳ hạn 3 năm, theo đó, Công ty Sotrans đã phát hành 130 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 130 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ 7.218.806 cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức ("VTX"), công ty con của Tập đoàn, do Công ty Sotrans sở hữu;
- ▶ 98.374 cổ phiếu của Công ty VTX, công ty con của Tập đoàn, do Công ty Cổ phần SCI sở hữu; và
- ▶ 3.279.317 cổ phiếu trong Công ty Sowatco, công ty con của Tập đoàn, do Công ty Hạ tầng Sotrans sở hữu.

- (iii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20160622/HĐ/STG-VTBC giữa Sotrans và Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ký ngày 22 tháng 6 năm 2016 với kỳ hạn 3 năm, theo đó, Công ty đã phát hành 70 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 70 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ 4.500.000 cổ phiếu trong Công ty VTX, công ty con của Tập đoàn, do Công ty Sotrans sở hữu;
- ▶ 5.000.000 cổ phiếu trong Công ty Sowatco, công ty con của Tập đoàn, do Công ty Hạ tầng Sotrans sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành (*)	93.075.835.810	154.974.905.223
Dự phòng phải trả khác	56.517.330	-
TỔNG CỘNG	93.132.353.140	154.974.905.223
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	15.231.288.773	8.900.936.787
Dự phòng chi phí bảo hành (*)	45.905.538.424	48.436.193.246
TỔNG CỘNG	61.136.827.197	57.337.130.033

(*) Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Tập đoàn sản xuất và bán ra trong các năm trước theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 1 đến 6 năm).

26. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	44.806.553.385	27.900.672.783
Tăng do hợp nhất kinh doanh	9.678.722.206	3.366.758.295
Trích lập trong năm	114.552.258.400	65.266.571.506
Sử dụng trong năm	(99.747.083.044)	(51.727.449.199)
Số cuối năm	69.290.450.947	44.806.553.385

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Trình bày lại)	Tổng cộng (Trình bày lại)
Năm trước									
Số dư đầu năm	1.550.000.000.000	66.378.000.000	47.050.714.170	(5.025.000.000)	84.376.333	123.438.566.724	744.300.401.229	455.332.932.118	2.981.559.990.574
- Lợi nhuận thuần trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	-	-	-	533.670.255.704	117.760.568.615	651.430.824.319
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	94.344.781.743	(94.344.781.743)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(48.503.385.539)	(16.763.185.967)	(65.266.571.506)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(154.500.000.000)	(39.752.277.631)	(194.252.277.631)
- Công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu (Trình bày lại)	-	-	30.338.249.407	(1.115.259)	-	2.245.407	(30.049.628.396)	(289.751.159)	-
- Mua công ty con trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	-	-	-	-	335.737.433.128	335.737.433.128
- Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	(9.117.465.668)	(55.743.868.984)	(64.660.541.438)	(129.521.876.090)
- Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát (Trình bày lại)	-	-	-	-	-	-	(145.542.826.777)	(72.772.378.223)	(218.315.205.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(771.941)	-	(210.355.232)	(239.711.712)	(450.838.885)
Số dư cuối năm (Trình bày lại)	<u>1.550.000.000.000</u>	<u>66.378.000.000</u>	<u>77.388.963.577</u>	<u>(5.026.115.259)</u>	<u>83.604.392</u>	<u>208.668.128.206</u>	<u>749.075.810.262</u>	<u>714.353.087.731</u>	<u>3.360.921.478.909</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Dựa trên chủ trương đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 1 tháng 8 năm 2016, Tổng Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06/2017/GELEX/NQ-HĐQT vào ngày 23 tháng 1 năm 2017 phê duyệt kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, số cổ phiếu này được góp đủ trong năm 2017 và chính thức lưu hành từ ngày 23 tháng 1 năm 2017.
- (**) Theo chủ trương đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tổng Công ty và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của các công ty con, Tập đoàn đã trích lập bổ sung quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền trong năm.
- (***) Theo nội dung được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 26/2017/GELEX/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 2 tháng 6 năm 2017, vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã phát hành 34.800.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, bao gồm nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và qua đó, tăng vốn điều lệ lên 2.668 tỷ VND.

27.2 Cổ tức

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015: 1.000 VND/cổ phiếu	-	154.500.000.000
Cổ tức cho năm 2016: 1.000 VND/cổ phiếu	232.000.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	-

27.3 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	266.800.000	2.668.000.000.000	155.000.000	1.550.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	266.800.000	2.668.000.000.000	155.000.000	1.550.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	266.800.000	2.668.000.000.000	155.000.000	1.550.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	500.000	5.025.000.000
Cổ phiếu phổ thông	-	-	500.000	5.025.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	266.800.000	2.668.000.000.000	154.500.000	1.544.975.000.000
Cổ phiếu phổ thông	266.800.000	2.668.000.000.000	154.500.000	1.544.975.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	12.094.756.795.679	7.409.353.474.617
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	10.529.742.641.281	7.245.516.959.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận	1.091.292.217.322	-
Doanh thu bán điện	213.287.394.083	-
Doanh thu khác	260.434.542.993	163.836.515.617
Các khoản giảm trừ doanh thu	(110.615.725.882)	(112.240.139.749)
Chiết khấu thương mại	(102.079.436.987)	(97.481.015.224)
Hàng bán bị trả lại	(8.536.288.895)	(14.759.124.525)
Doanh thu thuần	11.984.141.069.797	7.297.113.334.868
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	11.909.924.315.286	7.296.626.243.999
Doanh thu đối với bên liên quan	74.216.754.511	487.090.869

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	187.702.172.461	32.574.930.824
Lãi kinh doanh chứng khoán	31.391.912.082	8.641.993.395
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư (*)	528.320.908.637	41.554.108.299
Cổ tức, lợi nhuận được chia	63.984.043.417	160.366.291.035
Lãi từ việc đánh giá lại khoản đầu tư trước đây khi mua công ty con	31.146.949.743	50.130.147.810
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.905.830.738	4.357.590.521
TỔNG CỘNG	847.451.817.078	297.625.061.884

(*) Chủ yếu bao gồm lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư khác trong năm 2017 của Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam, công ty con của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện	8.843.339.920.159	6.214.392.608.915
Giá vốn dịch vụ vận tải và kho vận cung cấp	888.260.892.569	-
Giá vốn hoạt động kinh doanh điện	78.536.335.891	-
Giá vốn khác	187.680.402.948	114.473.584.892
TỔNG CỘNG	9.997.817.551.567	6.328.866.193.807

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lãi tiền vay, trái phiếu	367.135.076.972	44.207.196.872
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	27.813.125.690	(765.375.190)
Lãi kỳ quỹ	24.356.297.075	23.519.624.160
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.840.454.163	6.708.055.729
Chi phí phát hành trái phiếu	5.254.515.614	-
Chi phí tài chính khác	4.865.460.882	1.365.615.716
TỔNG CỘNG	435.264.930.396	75.035.117.287

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.056.365.549	4.522.713.957
- Chi phí nhân công	103.879.703.469	18.180.505.758
- Chi phí khấu hao	3.454.850.047	4.085.810.363
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.145.243.689	60.625.721.300
- Chi phí bán hàng khác	57.775.857.026	61.246.537.205
TỔNG CỘNG	261.312.019.780	148.661.288.583
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.532.393.315	12.302.940.124
- Chi phí nhân công	232.795.931.692	109.657.440.454
- Chi phí khấu hao	21.193.849.691	8.857.627.272
- Tiền thuê đất và thuế, lệ phí khác	16.022.051.923	6.929.077.766
- Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	19.682.380.882	(7.752.172.517)
- Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 18)	60.802.015.143	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.126.608.802	33.071.439.384
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	117.635.432.269	68.707.420.765
TỔNG CỘNG	540.790.663.717	231.773.773.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	48.225.613.845	8.239.472.445
Nhận tiền đền bù hỗ trợ di dời	19.725.947.625	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	16.045.809.663	91.872.378
Chênh lệch kiểm kê thừa	234.536.183	4.265.576.715
Khác	12.219.320.374	3.882.023.352
Chi phí khác	8.151.407.203	29.009.873.831
Các khoản phạt	3.718.794.388	22.950.168.119
Khác	4.432.612.815	6.059.705.712
LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẬN KHÁC	40.074.206.642	(20.770.401.386)

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	8.531.946.072.422	6.286.938.083.020
Chi phí nhân công	746.555.288.968	361.523.475.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	269.061.944.207	104.190.343.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	837.679.517.556	124.825.093.309
Chi phí khác	521.154.439.665	183.832.605.634
TỔNG CỘNG	10.906.397.262.818	7.061.309.600.957

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Ngoại trừ trường hợp của công ty con là Công ty Phú Thạnh Mỹ, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Tổng Công ty và các công ty con khác là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 06/CN-UBND do UBND Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010, Công ty Phú Thạnh Mỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (năm 2016) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty Phú Thạnh Mỹ là 5% lợi nhuận chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	344.630.758.045	119.789.766.028
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	2.256.361.134	-
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(3.229.922.543)	357.066.668
TỔNG CỘNG	<u>343.657.196.636</u>	<u>120.146.832.696</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.658.244.054.519	771.577.657.015
Thuế TNDN của Tập đoàn theo thuế suất phổ thông	323.550.269.081	125.003.835.363
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại về chuyển lỗ tính thuế chưa ghi nhận	20.040.208.788	-
Chi phí không được khấu trừ khác	8.718.314.156	5.485.314.495
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	7.311.738.826	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước theo quyết định thanh tra thuế	2.256.361.134	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(482.094.658)	(316.287.600)
Lãi từ việc đánh giá lại khoản đầu tư trước đây khi mua công ty con	(6.229.389.949)	(10.026.029.562)
Lỗ năm trước chuyển sang	(11.508.210.742)	-
Chi phí thuế TNDN	<u>343.657.196.636</u>	<u>120.146.832.696</u>

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Thu nhập từ bồi thường di dời chưa thực hiện trong công ty liên kết	7.210.119.673	-	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.706.058.644	1.780.187.357	(253.856.093)	-
Chi phí trích trước	1.455.699.641	2.427.653.299	(2.284.651.555)	(357.066.668)
Khác	220.840.199	1.468.968.278	(80.649.365)	-
	11.592.718.157	5.676.808.934		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	(47.273.447.574)	(13.880.752.012)	5.849.079.556	-
Khác	(86.505.123)	-	-	-
	(47.359.952.697)	(13.880.752.012)		
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			3.229.922.543	(357.066.668)

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Tổng Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty và các công ty con có khoản lỗ tính thuế lũy kế với tổng số tiền là 191.149.746.486 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
2012 (*)	2017	4.605.290.531	(4.605.290.531)	-	-
2013 (*)	2018	2.180.873.158	(2.180.873.158)	-	-
2014 (**)	2019	129.938.019.826	(81.584.583.887)	-	48.353.435.939
2015 (**)	2020	72.625.160.333	(30.029.893.722)	-	42.595.266.611
2017 (**)	2022	100.201.043.936	-	-	100.201.043.936
TỔNG CỘNG		309.550.387.784	(118.400.641.298)	-	191.149.746.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.3 Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán với cơ quan thuế địa phương.

(**) Đây là khoản lỗ tính thuế ước tính của Tổng Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	588.079.657.314	544.438.093.123
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.244.480.513	24.378.127.500
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	495.709.050	487.090.869
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.250.000.000	61.600.000.000
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.409.814.187	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Cho vay	100.000.000.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa	17.332.761.908	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (*)	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình (kể từ ngày 5/7/2017)	Tắt toán trái phiếu	200.000.000.000	-
		Lãi trái phiếu đã nhận	35.705.555.623	-

(*) Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 – Thông tin về các bên liên quan, Tập đoàn và Công ty Cổ phần Chứng khoán IB phát sinh mối quan hệ là bên liên quan kể từ ngày 5 tháng 7 năm 2017, khi bà Nguyễn Thị Tuyết, thành viên gia đình của ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Tập đoàn, được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB.

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay chịu lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Năm nay, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 6.1)					
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình (kể từ ngày 5/7/2017)	Trái phiếu	139.524.375.000		-
			139.524.375.000		-
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 7.1)					
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.463.918.325		-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.505.794.146		-
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.531.486.329		-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.759.234.301		-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng Hợp Miền Nam	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	538.690.140		-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.978.367.899		-
			33.777.491.140		-
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)					
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Cho vay ngắn hạn	100.000.000.000		
Công ty Cổ phần chế tạo điện máy Việt Nam - Hungari	Công ty con (từ tháng 7 năm 2017)	Cho vay ngắn hạn		-	2.000.000.000
			100.000.000.000		2.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)

Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	100.000.000.000	3 tháng	10,5%/năm	Tín chấp

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
---------------	-------------	--------------------	-------------	------------

Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)

Công ty Cổ phần Phúc Hưng Tín	Công ty liên kết	Ứng trước chi phí xây dựng	771.185.140	-
			771.185.140	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (Thuyết minh số 16.3)

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình (kể từ ngày 5/7/2017)	Trái phiếu	156.140.000.000	-
			156.140.000.000	-

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 19.1)

Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	57.295.942.988	62.028.156.183
			57.295.942.988	62.028.156.183

Phải trả khác (Thuyết minh số 23)

Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên kết	Nhận ứng trước tiền hỗ trợ di dời	40.000.000.000	-
			40.000.000.000	-

Các giao dịch với bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập	9.969.021.618	9.689.278.415
TỔNG CỘNG	9.969.021.618	9.689.278.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	786.170.487.255	533.670.255.704
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(87.156.162.437)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	786.170.487.255	446.514.093.267
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	261.957.967	189.300.000
Ảnh hưởng suy giảm (***)	90.000.000	90.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	351.957.967	279.300.000
Lãi trên cổ phiếu		
- <i>Lãi cơ bản</i>	3.001	2.359
- <i>Lãi suy giảm</i>	2.234	1.599

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Tổng Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

(**) Bao gồm 34.800.000 cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được công bố phát hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 26/2017/GELEX/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 2 tháng 6 năm 2017 (xem thêm tại Thuyết minh số 27.1).

(***) Đây là số cổ phiếu sẽ phát hành trong tương lai theo các hợp đồng chứng quyền đặt mua như trình bày tại Thuyết minh số 23.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- ▶ Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện;
- ▶ Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận;
- ▶ Kinh doanh điện; và
- ▶ Các lĩnh vực kinh doanh khác.

Tập đoàn không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất là lãnh thổ Việt Nam.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong năm 2016, hơn 90% hoạt động của Tập đoàn là hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện; do đó, Tập đoàn không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện</i>	<i>Cung cấp dịch vụ vận tải và kho vận</i>	<i>Kinh doanh điện</i>	<i>Khác</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày						
Doanh thu	10.419.126.915.399	1.091.292.217.322	213.287.394.083	260.434.542.993	-	11.984.141.069.797
Giá vốn	(8.843.339.920.159)	(888.260.892.569)	(78.536.335.891)	(187.680.402.948)	-	(9.997.817.551.567)
Kết quả						
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận</i>	<i>1.575.786.995.240</i>	<i>203.031.324.753</i>	<i>134.751.058.192</i>	<i>72.754.140.045</i>	-	<i>1.986.323.518.230</i>
<i>Thu nhập/chi phí không phân bổ (*)</i>	-	-	-	-	-	<i>(328.079.463.711)</i>
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>	-	-	-	-	-	<i>1.658.244.054.519</i>
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-	-	-	-	<i>(343.657.196.636)</i>
						<u>1.314.586.857.883</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế						
Tài sản và công nợ						
<i>Tài sản bộ phận</i>	<i>4.216.112.272.745</i>	<i>906.944.904.932</i>	<i>1.435.841.369.359</i>	<i>255.743.796.730</i>	-	<i>6.814.642.343.766</i>
<i>Tài sản không phân bổ (*)</i>	-	-	-	-	-	<i>7.095.032.908.667</i>
						<u>13.909.675.252.433</u>
Tổng tài sản						
<i>Công nợ bộ phận</i>	<i>3.793.987.684.120</i>	<i>361.836.424.879</i>	<i>1.059.225.460.971</i>	<i>65.235.152.331</i>	-	<i>5.280.284.722.301</i>
<i>Công nợ không phân bổ (*)</i>	-	-	-	-	-	<i>2.323.702.791.756</i>
						<u>7.603.987.514.057</u>
Tổng công nợ						
Các thông tin bộ phận khác						
Chi phí hình thành tài sản cố định (**)	292.657.356.585	212.268.981.740	15.133.383.708	345.033.767	-	520.404.755.800
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>289.745.154.393</i>	<i>211.765.281.740</i>	<i>15.133.383.708</i>	<i>345.033.767</i>	-	<i>516.988.853.608</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>2.912.202.192</i>	<i>503.700.000</i>	-	-	-	<i>3.415.902.192</i>
<i>Khấu hao</i>	<i>126.846.907.489</i>	<i>70.507.132.989</i>	<i>51.595.429.882</i>	<i>19.190.463.598</i>	-	<i>268.139.933.958</i>
<i>Hao mòn</i>	<i>2.014.538.921</i>	<i>211.784.328</i>	-	-	-	<i>2.226.323.249</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản dài hạn khác.

Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản trái phiếu phát hành và một số khoản phải trả khác.

(**) Bao gồm cả giá trị xây dựng cơ bản dở dang chưa kết chuyển sang tài sản cố định.

38. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê cơ sở hạ tầng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	37.505.032.544	1.629.968.344
Trên 1 – 5 năm	133.581.351.995	7.222.056.930
Trên 5 năm	157.820.377.662	49.073.683.353
TỔNG CỘNG	328.906.762.201	57.925.708.627

Cam kết cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê văn phòng và kho bãi theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	72.529.223.139	27.244.235.607
Trên 1 – 5 năm	71.636.840.670	60.652.301.927
Trên 5 năm	99.937.092.037	80.312.420.916
TỔNG CỘNG	244.103.155.846	168.208.958.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của các báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)</i>
		<i>Điều chỉnh</i>	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Chứng khoán kinh doanh	(i)	-	197.046.708.523
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	353.394.502.790	(197.046.708.523) 156.347.794.267
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(viii)	1.235.953.581.919	(12.256.956.434) 1.223.696.625.485
Phải thu ngắn hạn khác		244.595.334.365	10.000.000 244.605.334.365
Hàng tồn kho	(ii)	1.546.458.431.143	58.861.845.710 1.605.320.276.853
Phải thu dài hạn khác		441.000.000	(10.000.000) 431.000.000
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	(iii), (vi)	1.911.762.321.559	(65.920.894.485) 1.845.841.427.074
Giá trị khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình	(iii)	(935.882.248.041)	9.052.813.555 (926.829.434.486)
Nguyên giá bất động sản đầu tư	(iii)	-	135.324.654.546 135.324.654.546
Giá trị khấu hao lũy kế bất động sản đầu tư	(iii)	-	(9.052.813.555) (9.052.813.555)
Lợi thế thương mại	(vi)	-	32.629.220.995 32.629.220.995
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		6.337.025.329	(660.216.395) 5.676.808.934
Phải trả người bán ngắn hạn	(ii)	559.236.044.059	58.861.845.710 618.097.889.769
Chi phí phải trả ngắn hạn	(viii)	49.531.866.288	(11.231.387.858) 38.300.478.430
Phải trả ngắn hạn khác		321.691.299.837	2.724.431.424 324.415.731.261
Vay ngắn hạn	(iv)	1.998.916.461.904	360.000.000.000 2.358.916.461.904
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(v)	171.927.161.506	(16.952.256.283) 154.974.905.223
Phải trả dài hạn khác		102.812.274.095	(3.750.000.000) 99.062.274.095
Vay dài hạn	(iv)	1.890.468.227.369	(360.000.000.000) 1.530.468.227.369
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(vi)	660.216.395	13.220.535.617 13.880.752.012
Dự phòng phải trả dài hạn	(v)	40.384.873.750	16.952.256.283 57.337.130.033
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(vi)	677.140.203.246	71.935.607.016 749.075.810.262
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(vi)	698.136.465.704	16.216.622.027 714.353.087.731
		<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)</i>
		<i>Điều chỉnh</i>	
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT			
Doanh thu hoạt động tài chính	(vi)	247.494.914.074	50.130.147.810 297.625.061.884
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(vi)	253.579.232.454	(21.805.459.206) 231.773.773.248

Ngoài ra, Công ty cũng trình bày lại các khoản mục Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu như trình bày tại Thuyết minh số 36.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

		<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>		<i>Đơn vị tính: VND</i>
		<i>Điều chỉnh</i>		<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)</i>
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT				
Tổng lợi nhuận trước thuế	(vi)	699.642.049.999	71.935.607.016	771.577.657.015
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	(vi)	125.995.802.391	(21.805.459.206)	104.190.343.185
Lãi từ hoạt động đầu tư	(vi)	(216.397.198.026)	(50.130.147.810)	(266.527.345.836)
Giảm các khoản phải trả	(vii)	(535.639.237.202)	41.523.384.961	(494.115.852.241)
Tăng chứng khoán kinh doanh	(i)	-	(197.046.708.523)	(197.046.708.523)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(i)	(681.574.588.946)	508.274.115.123	(173.300.473.823)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	(i)	886.789.206.156	(311.227.406.600)	575.561.799.556
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(vii)	(153.614.446.335)	(41.523.384.961)	(195.137.831.296)

- (i) Phân loại lại các khoản trái phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh ngắn hạn theo chủ trương đầu tư của Tổng Công ty.
- (ii) Điều chỉnh hồi tố tăng khoản mục hàng tồn kho và khoản mục phải trả người bán ngắn hạn của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 58.861.845.710 VND để phản ánh nghiệp vụ hàng mua đang đi đường tại ngày này.
- (iii) Phân loại lại tài sản cố định của Tòa nhà Gelex Tower tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của Tổng Công ty sang bất động sản đầu tư theo tỷ lệ diện tích cho bên ngoài thuê và sử dụng nội bộ.
- (iv) Phân loại lại khoản trái phiếu phát hành đến hạn trả trong năm 2017.
- (v) Phân loại lại dự phòng phải trả ngắn hạn của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sang dự phòng phải trả dài hạn theo chính sách bảo hành của các hợp đồng liên quan.
- (vi) Trong năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn thành việc đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Thibidi tại ngày mua. Xem thêm tại Thuyết minh số 4.
- (vii) Điều chỉnh lại phần cổ tức đã trả cho các cổ đông thiểu số.
- (viii) Trình bày lại chiết khấu thương mại chưa quyết toán với khách hàng của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Quyết định số 498/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu của Tổng Công ty trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, vào ngày 18 tháng 1 năm 2018, cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2018, Tập đoàn đã hoàn tất các giao dịch để tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà lên 47,1%.

Theo Quyết định số 08/2018/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Tổng Công ty đã thông qua phương án thoái vốn khỏi Công ty K.I.P Việt Nam, công ty con của Tổng Công ty.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Dương Việt Nga
Người lập





Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018